

Số: 03/2024/QĐST-HNGĐ

Thanh Miện, ngày 19 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hương Lý.

Thư ký phiên họp: Ông Vũ Cao Nguyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc “Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Nguyễn Văn C – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện T.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày: 01/5/1971 và bà Nguyễn Thị P, sinh ngày: 12/4/1976.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương trình bày:

Qua quá trình kiểm tra lý lịch, các tài liệu lưu trữ và đề nghị của công dân, Ủy ban nhân dân xã P phát hiện trường hợp anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị P kết hôn ngày 26/8/1992 là trái pháp luật.

Căn cứ theo các tài liệu chính gồm: Căn cước công dân, trích lục khai sinh, xác nhận của trường Tiểu học xã T thì chị Nguyễn Thị P, sinh ngày 12/4/1976 nhưng đến ngày 26/8/1992 đã tiến hành đăng ký kết hôn với anh T, khi đó chị P vẫn còn thiếu 07 tháng 18 ngày mới đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986:

“Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên”

Do khi đến đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, anh T và chị P đã tự khai tăng tuổi chị P thành sinh ngày 02/02/1973, đồng thời việc kiểm tra lý lịch của cán bộ tư pháp thời điểm đó còn nể nang, chưa chính xác nên đã tiến hành đăng ký kết hôn cho anh T, chị P và ghi trong giấy chứng nhận kết hôn ghi anh Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 01/5/1971 và chị Nguyễn Thị P, sinh ngày 02/02/1973. Vì vậy, việc kết hôn và ban hành giấy chứng nhận kết hôn là trái pháp luật. Việc đăng ký kết hôn trái pháp luật đã gây ra cho anh T1 và chị P nhiều vấn đề khó khăn trong quá trình sinh sống, các thông tin ngày tháng năm sinh trong giấy tờ tùy thân đều không khớp với nhau.

Tuy nhiên, hiện tại anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị P vẫn chung sống hạnh phúc, sinh được ba con chung và không có mâu thuẫn gì từ khi kết hôn cho đến nay. Vì vậy Ủy ban nhân dân xã P đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật đối với anh T và chị P. Bên cạnh đó nếu anh T và chị P yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn thì đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện tạo điều kiện để công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị. Đối với trường hợp cán bộ đăng ký kết hôn thời điểm năm 1992 tại địa phương hiện đã mất nên không thể cung cấp thêm thông tin cho Tòa án, đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh T, chị P trình bày:

Tại thời điểm làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, anh T khai họ tên là Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 01/5/1971, chị P khai họ tên là Nguyễn Thị P, sinh ngày 02/02/1973. Tuy nhiên, như trong Giấy khai sinh, Căn cước công dân, Sổ hộ khẩu gia đình và một số giấy tờ khác thì chị P sinh ngày 12/4/1976.

Với ngày tháng năm sinh như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị P chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo pháp luật. Mặc dù, sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc cho đến nay, cùng sinh được ba con chung nhưng do khi đăng ký kết hôn đã khai báo ngày tháng năm sinh không chính xác gây ảnh hưởng rất lớn đến việc sinh hoạt của gia đình và quá trình học tập của các cháu bị gián đoạn.

Vì vậy, anh T1, chị P thống nhất yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện áp dụng: khoản 6 Điều 3 ; Điều 8 ; 10 ; 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97 của Quốc hội; Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị:

Không chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/5/1971 và chị Nguyễn Thị P, sinh ngày 12/4/1976, kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn là ngày 12/4/1994.

Về lệ phí: Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương không phải chịu lệ phí; Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân xã P, huyện T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị P, trong quá trình giải quyết, anh T, chị P đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn; anh T, chị P cư trú tại xã P, huyện T. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện có thẩm quyền giải quyết việc dân sự.

[2] Về tố tụng: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp, căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày: 01/5/1971 và chị Nguyễn Thị P, sinh ngày: 12/4/1976, tuy nhiên, khi đi đăng ký kết hôn ngày 26/8/1992, anh T khai tên là Nguyễn Quốc T1, chị P khai sinh ngày 02/02/1973 để đủ tuổi đăng ký hôn theo quy định. Do sơ suất trong việc kiểm tra lý lịch công dân, cán bộ đăng ký kết hôn đã tiến hành đăng ký kết hôn cho anh T1, chị P. Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 26, ngày 26/8/1992 của Ủy ban nhân dân xã P đã ghi họ tên chồng là Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 01/5/1971, họ tên vợ là Nguyễn Thị P, sinh ngày 02/02/1973.

Căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu gồm: Căn cước công dân; Bản sao Giấy khai sinh; Đơn đề nghị xác nhận của Trường Tiểu học xã T, huyện T, xác định chị Nguyễn Thị P sinh ngày 12/4/1976.

Như vậy, tại thời điểm kết hôn ngày 26/8/1992, chị P còn thiếu 07 tháng 18 ngày mới đủ tuổi kết hôn, việc đăng ký kết hôn của anh T1, chị P là trái quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Do đó, Ủy ban nhân dân xã P có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh T1, chị P.

Tuy nhiên, từ sau khi đăng ký kết hôn, anh T1, chị P chung sống hạnh phúc, anh chị thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc tại Giấy chứng nhận kết hôn số 26, ngày 26/8/1992 của Ủy ban nhân dân xã P đã ghi họ tên chồng là Nguyễn Quốc T1, anh T1 trình bày do anh tự khai với cán bộ tư pháp. Căn cứ vào Căn cước công dân, Đơn đề nghị xác nhận ngày 03/7/2023 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, thì xác định anh Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 01/5/1971 và anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/5/1971 là một người.

Từ những nhận định trên, thấy rằng không cần hủy việc kết hôn trái pháp luật mà công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị P kể từ thời điểm anh, chị đủ điều kiện kết hôn là ngày 12/4/1994 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn nên phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 149; 367; 370; 371 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 6 Điều 3; Điều 8; 10; 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2016; Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị P.

2. Chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị P.

Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/5/1971 và chị Nguyễn Thị P, sinh ngày 12/4/1976, cùng cư trú tại: thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương kể từ thời điểm hai bên đủ điều kiện kết hôn là ngày 12 tháng 4 năm 1994.

3. Về lệ phí:

Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị P phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0001595 ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo Quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra Quyết định; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- UBND xã Phạm Kha;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Hương Lý